

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1684/2025/DS-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chon;

2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 575/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 590/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 513/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S(S1

Địa chỉ: Số B, phường X (phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Lầu F, số B, phường X (phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh(theo văn bản ủy quyền số 8792/2024/UQ-TGD ngày 03/12/2024).

Ông Trần Đức T1 đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Bùi Ái V, sinh năm 1981; số CMND: 026081674.

Địa chỉ: Số B đường P, ấp P, xã A (xã P, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Bùi Ái V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nộp ngày 31 tháng 01 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày sự việc như sau:

Ngày 11/01/2018, Ngân hàng TMCP S và ông Bùi Ái V có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây gọi là Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng). Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông V với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp thẻ, ông V đã thực hiện tổng các giao dịch với số tiền là 193.068.646 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông V cũng đã thanh toán cho Ngân hàng nhiều lần với tổng số tiền đã thanh toán là 178.424.423 đồng. Tuy nhiên, do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/12/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tại thời điểm Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông V sang nợ quá hạn thì Ngân hàng đang áp dụng mức lãi suất theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt nam là 2,6%/tháng. Theo thỏa thuận của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng thì lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn. Ông V1 cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng và ngưng thanh toán cho đến nay. Tính đến ngày 29/9/2025, ông V còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc là 39.221.301 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.312.452 đồng, tổng cộng là 109.533.753 (một trăm lẻ chín triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng.

- Nay nguyên đơn yêu cầu ông V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025 số tiền là 109.533.753 (một trăm lẻ chín triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 39.221.301 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.312.452 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần, và yêu cầu ông V tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo quy định tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày **30/9/2025** cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

- Bị đơn là ông Bùi Ái V đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên không có lời khai của ông V. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội

đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1, khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N định về hoạt động thẻ ngân hàng (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16 tháng 11 năm 2021; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Ái V phải trả cho nguyên đơn số nợ tạm tính đến 29/9/2025 số tiền là 109.533.753 (một trăm lẻ chín triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 39.221.301 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.312.452 đồng. Ngoài ra, ông V còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 31 tháng 01 năm 2024, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết buộc ông Bùi Ái V trả số tiền gốc và lãi đã vay theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn trong vụ kiện là ông Bùi Ái V hiện có địa chỉ tại ấp P, xã A (xã P, huyện C cũ), Thành phố H căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S, ông Trần Đức T có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T2 đúng quy định.

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/01/2018 thể hiện nơi cư trú tại thời điểm ông V vay tiền của Ngân hàng là ở tại: G Đ, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường T, Thành phố H hiện ông V2 sinh sống tại địa chỉ trên. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an xã P, Thành phố H hiện ông V3 nơi thường trú tại: Số B đường P, ấp P, xã A (xã P, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đã bỏ địa phương đi từ năm 2020 đến nay, không biết ông V đi đâu, làm gì. Từ khi ký kết hợp đồng tín dụng đến khi Ngân hàng TMCS Skhởi kiện đến Toà án thì ông V cũng không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng TMCP S, theo kết quả xác minh thì nơi cư trú cuối cùng của ông V4 ở: Số B đường P, ấp P, xã A (xã P, huyện C cũ), Thành phố H cứ Khoản 2, Khoản 3, Điều 5; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì trường hợp của ông V được coi là cố tình giấu địa chỉ, Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông V theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Bùi Ái V đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng tại phiên toà hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu ông Bùi Ái V phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ đến hạn tính đến ngày 29/9/2025 số tiền là 109.533.753 (một trăm lẻ chín triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 39.221.301 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.312.452 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận định:

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Ngày 11/01/2018, bị đơn có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với Ngân hàng TMCP S nguyên đơn cấp cho bị đơn thẻ tín dụng JCB với hạn mức sử dụng là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, Ngân hàng đã giải ngân ngày 31/01/2018 theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Thực hiện hợp đồng, ông V đã thực hiện tổng các giao dịch với số tiền là 193.068.646 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông V cũng đã thanh toán cho Ngân hàng nhiều lần với tổng số tiền đã thanh toán là 178.424.423 đồng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, ông V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng “vào hoặc trước ngày Đến Hạn được ghi trên Thông báo” (theo Điều 19 của

Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng). Tuy nhiên, do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/12/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, ông V1 ngưng thanh toán cho đến nay mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần. Tại thời điểm Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ mà ông V còn thiếu sang nợ quá hạn thì Ngân hàng đang áp dụng mức **lãi suất theo** Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt nam là 2,6%/tháng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng thì kể từ ngày 01/12/2021 ông V phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông V phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 số tiền là 109.533.753 (một trăm lẻ chín triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 39.221.301 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.312.452 đồng. Ngoài ra, ông V còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận; phù hợp với quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 7 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 3, Điều 4, Điều 13, Điều 18, Điều 20, Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S với yêu cầu buộc ông Bùi Ái V phải trả cho nguyên đơn số nợ tạm tính đến ngày 29/9/2025 số tiền là 109.533.753 (một trăm lẻ chín triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 39.221.301 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.312.452 đồng. Ngoài ra, ông V còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S nên bị đơn là ông Bùi Ái V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 3 Điều 92; Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Điều 280, Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 340, Điều 342; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 13, Điều 18, Điều 20, Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Bùi Ái V phải trả cho Ngân hàng TMCS Số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 số tiền là 109.533.753 (một trăm lẻ chín triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 39.221.301 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.312.452 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/01/2018 giữa Ngân hàng và ông Bùi Ái V nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Bùi Ái V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.476.688 (năm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi tám) đồng buộc ông Bùi Ái V phải chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCS Số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 1.926.360 (một triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi) đồng theo biên lai số 0038049 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Định